

**ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com  
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI  
QUYẾT**

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ T16XDD  
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN TÊN MÔN HỌC: ĐỒ ÁN KỸ THUẬT TC BT TOÀN KHỐI HỌC KỲ 6  
M? MÔN H ỌC : CIE-486 TÍN CHỈ 1  
 Ngày thi: 26/04/2013 LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15	30							55	100			
1	152210186	ĐOÀN VIẾT	VUÔNG	T16XDD1	9		7						7	7.3	Bá y phá y Ba		
2	168211980	TRẦN TẤN	ANH	T16XDD1	7		6						6	6.2	Sâu phá y Hai		
3	168211983	HOÀNG THÁI	B?NH	T16XDD1	0		0					HP	0.0	Khăng			
4	168211984	NGUYỄN TẮT	CẢN	T16XDD1	9		8						6	7.1	Bá y phá y Mậ u		
5	168211985	HUỶNH NGỌC	CHÍ	T16XDD1	7		6						5	5.6	Nằ m phá y Sằ u		
6	168211986	NGUYỄN CHÍ	CÔNG	T16XDD1	0		0					HP	0.0	Khăng			
7	168211989	NGUYỄN CAO	CUÔNG	T16XDD1	7		7						5	5.9	Nằ m phá y Chê n		
8	168211990	NGUYỄN VĂN	DUNG	T16XDD1	7		7						6	6.5	Sằ u phá y Nằ m		
9	168211994	ĐOÀN CÔNG	HẢI	T16XDD1	0		0					HP	0.0	Khăng			
10	168211995	TRẦN VĂN	HẢI	T16XDD1	9		8						7	7.6	Bá y phá y Sằ u		
11	168211998	PHẠM VĂN	HẠNH	T16XDD1	9		7						5	6.2	Sằ u phá y Hai		
12	168212000	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	T16XDD1	7		7						5	5.9	Nằ m phá y Chê n		
13	168212001	TRẦN XUÂN	HIẾU	T16XDD1	7		7						8	7.6	Bá y phá y Sằ u		
14	168212002	BÙI THANH	H?A	T16XDD1	9		8						7	7.6	Bá y phá y Sằ u		
15	168212003	NGUYỄN VĂN	H?A	T16XDD1	7		7						7	7.0	Bá y		
16	168212006	NGUYỄN QUỐC	HUY	T16XDD1	9		8						7	7.6	Bá y phá y Sằ u		
17	168212007	NGUYỄN	KẾ	T16XDD1	9		7						7.5	7.6	Bá y phá y Sằ u		
18	168212008	TRẦN THANH	KHÁNG	T16XDD1	0		0					HP	0.0	Khăng			
19	168212010	TRƯƠNG QUỐC	KHÁNH	T16XDD1	9		8						7	7.6	Bá y phá y Sằ u		
20	168212011	ĐINH VĂN	KHOA	T16XDD1	9		8						5	6.5	Sằ u phá y Nằ m		
21	168212012	NGUYỄN LƯU Đ?NH	KỶ	T16XDD1	9		7						5.5	6.5	Sằ u phá y Nằ m		
22	168212013	HỒ ĐẮC	LINH	T16XDD1	9		7.5						6	6.9	Sằ u phá y Chê n		
23	168212014	NGUYỄN TẤN	LỰC	T16XDD1	9		7						5	6.2	Sằ u phá y Hai		
24	168212015	BÙI VĂN	MINH	T16XDD1	7		7						5	5.9	Nằ m phá y Chê n		
25	168212016	LỮ TRỌNG	MINH	T16XDD1	5		5						5	5.0	Nằ m		
26	168212017	PHẠM THANH	MƯỜI	T16XDD1	9		7.5						6.5	7.2	Bá y phá y Hai		
27	168212020	DƯƠNG HỒNG	NAM	T16XDD1	9		8						7	7.6	Bá y phá y Sằ u		
28	168212022	NGUYỄN SỸ	NGUYỄN	T16XDD1	7		7						5	5.9	Nằ m phá y Chê n		
29	168212025	ĐẶNG VĂN	NHÂN	T16XDD1	0		0					HP	0.0	Khăng			
30	168212051	LÊ THANH	TRỌNG	T16XDD1	0		0					HP	0.0	Khăng			
31	168222065	ĐẶNG QUỐC	BẢO	T16XDD1	9		7						7	7.3	Bá y phá y Ba		
32	168222091	BÙI NGUYỄN HỒNG	LINH	T16XDD1	0		0					HP	0.0	Khăng			
33	168211999	NGUYỄN VĂN	HIỂN	T16XDD2	0		0					HP	0.0	Khăng			
34	168212009	NGUYỄN VĂN	KHANH	T16XDD2	9		7						5	6.2	Sằ u phá y Hai		
35	168212021	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	T16XDD2	7		7						7	7.0	Bá y		
36	168212023	PHAN Đ?NH	NHÂN	T16XDD2	9		7						5	6.2	Sằ u phá y Hai		
37	168212026	NGÔ CÔNG	PHI	T16XDD2	7		6						5	5.6	Nằ m phá y Sằ u		
38	168212027	LÊ MINH	PHÚ	T16XDD2	9		7						6	6.8	Sằ u phá y Tằ m		
39	168212032	HUỶNH HOÀNG	QUỐC	T16XDD2	9		6						5	5.9	Nằ m phá y Chê n		
40	168212033	V? MINH	QUỐC	T16XDD2	9		6						5	5.9	Nằ m phá y Chê n		

Ngày thi: 26/04/2013

TÍN CHỈ  
LẦN THI

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15		30							55	100		
41	168212036	TRƯỜNG NGUYỄN SA	T16XDD2	9		8							7	7.6	Bá? pháp Sầu	
42	168212037	ĐẶNG VĂN SĨ	T16XDD2	9		6							5	5.9	Nàm pháp Chèn	
43	168212038	NGUYỄN MINH TÂM	T16XDD2	9		7						6.5	7.0	Bá?		
44	168212041	ĐINH QUANG THANH	T16XDD2	9		7						6.5	7.0	Bá?		
45	168212042	PHẠM TRUNG THÀNH	T16XDD2	9		8						7	7.6	Bá? pháp Sầu		
46	168212043	TRẦN TÀI THÀNH	T16XDD2	7		6						5	5.6	Nàm pháp Sầu		
47	168212050	NGUYỄN CÔNG TRÔI	T16XDD2	7		6						5	5.6	Nàm pháp Sầu		
48	168212052	NGUYỄN THANH TRUNG	T16XDD2	7		8						7	7.3	Bá? pháp Ba		
49	168212053	PHẠM MINH TUẤN	T16XDD2	7		6						5	5.6	Nàm pháp Sầu		
50	168212054	VĂN Đ?NH TUẤN	T16XDD2	9		8						7	7.6	Bá? pháp Sầu		
51	168212055	NGUYỄN XUÂN TY	T16XDD2	9		6						5	5.9	Nàm pháp Chèn		
52	168212057	NGUYỄN ĐỨC VINH	T16XDD2	7		8						7	7.3	Bá? pháp Ba		
53	168212058	PHẠM VĨNH	T16XDD2	9		7						6.5	7.0	Bá?		
54	168212060	TRẦN QUANG VŨ	T16XDD2	9		6						5	5.9	Nàm pháp Chèn		
55	168212061	NGUYỄN QUỐC VƯƠNG	T16XDD2	9		8						8	8.2	Tám pháp Hai		
56	168222100	NGUYỄN THANH NGỌC	T16XDD2	9		6						5.5	6.2	Sầu pháp Hai		
57	168222125	TRẦN GIANG TUÂN	T16XDD2	9		8						7	7.6	Bá? pháp Sầu		
58	168222129	NGUYỄN Đ?NH VINH	T16XDD2	9		6						5	5.9	Nàm pháp Chèn		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	50	86%	
2	Số sinh viên nợ	8	14%	
<b>TỔNG CỘNG :</b>		<b>58</b>	<b>100%</b>	

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 05 năm 2013  
PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH  
(k? và ghi r? họ tên)

LẬP BẢNG

KIỂM TRA  
(k? và ghi r? họ tên)

L?NH ĐẠO KHOA  
(k? và ghi r? họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú